

## BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG Ở CÁC LÀNG XÃ ĐƯỢC CHUYỂN THÀNH PHƯỜNG TẠI THỦ ĐÔ HÀ NỘI HIỆN NAY

(Nghiên cứu trường hợp làng Tình Quang, phường Giang Biên, quận Long Biên)

TRẦN THỊ HỒNG YẾN, THẠCH THỊ QUỲ HẠ

1. Từ cuối năm 1995, trước những thay đổi lớn về cơ cấu kinh tế - xã hội của vùng ngoại thành ven đô, Chính phủ đã ra các Nghị định điều chỉnh địa giới một số quận, huyện của thành phố Hà Nội để thành lập thêm các quận mới: *Cầu Giấy, Tây Hồ, Thanh Xuân* - Nghị định 69/CP ngày 28 - 10 - 1995, Nghị định số 74 ngày 22 - 11 - 1996 (Nguyễn Quang Ân, 2002) và *Hoàng Mai, Long Biên* - Nghị định 132/ 2003/ NĐ - CP ngày 6 - 11 - 2003 (Công báo, 2004). Việc thành lập các quận mới này đã có những tác động tích cực trên nhiều mặt, đặc biệt làm thay đổi kết cấu kinh tế, cơ sở hạ tầng của đô thị quanh khu vực nội thành cũ của Hà Nội.

Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa theo phương thức chuyển xã thành phường trên đây (mà nhiều nhà nghiên cứu đã gọi là “đô thị hóa công - thương nghiệp”, vì nó không gắn liền, hay không phải là kết quả của một quá trình phát triển công - thương nghiệp; mà đơn thuần chỉ là sự đổi tên gọi và sắp xếp lại bộ máy hành chính ở các đơn vị xã), đang đặt ra cho các ngành, các cấp nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết. Một trong những vấn đề đó là việc bảo vệ, giữ gìn và tôn tạo các di sản văn hóa truyền thống.

Quá trình đô thị hóa theo phương thức chuyển xã thành phường có những đặc điểm sau:

- *Chuyển đổi nhanh chóng và tương đối đồng loạt mục đích sử dụng đất đai: từ đất nông nghiệp sang đất công nghiệp - dịch vụ và đất hạ tầng đô thị.*

- *Chuyển đổi kết cấu kinh tế, gắn với chuyển đổi nghề nghiệp, lao động của cộng đồng c- dân: từ làm nông nghiệp là chính chuyển dần sang làm công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ.*

- *Chuyển đổi về dân c- : từ dân c- nông thôn tập trung thấp, với đặc trưng cụm theo quan hệ huyết thống sang c- dân đô thị tập trung cao, c- dân bác tạp, không thuần nhất, chủ yếu do di chuyển cơ học theo hai hướng:*

+ Cán bộ công nhân viên chức từ các nơi khác chuyển đến ở trong các khu công nghiệp, khu đô thị mới được hình thành ở trong lòng hay kề cận các làng, hoặc mua đất trong làng để có một không gian ở rộng rãi, thoáng đãng, yên tĩnh hơn;

+ Dân tự do chuyển c- đến làng vì nhiều lý do khác nhau.

- Gắn với chuyển đổi về dân c- là *chuyển đổi về quan hệ xã hội trong cộng đồng: từ c- dân làng xã thân quen nhau truyền đời, nặng tình cảm (tình cảm gia đình, họ hàng, xóm giềng, “trong họ ngoài làng”), tin nhau là chính sang c- dân đô thị, ít quen biết, nặng về lý - luật, trong quan hệ lấy*

“tiền trao cháo múc”, hợp đồng, khế - ước làm bằng. Nếu tr-ớc kia ng-ời ta biết nhau đến từng "chân tơ, kẽ tóc", không chỉ nguồn gốc tổ tiên, gia thế, mà cả dáng đi, giọng nói của từng ng-ời trong cộng đồng, th-ờng xuyên quan tâm đến nhau thì giờ đây, mối quan hệ cộng đồng ấy đã suy giảm rõ rệt, thậm chí mặc dù sống cùng một làng nh-ng nhiều ng-ời không biết hết nhau. Tuy sống trong làng nh-ng quyền lợi và đời sống kinh tế của một bộ phận c- dân - nhất là c- dân “ngoại lai” không gắn liền với cộng đồng sở tại; tâm t- tình cảm, lối sống, cách giao tiếp, c- xử với c- dân sở tại không hòa đồng hoặc rất khó hòa đồng. Điều này hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp tác động trở lại đến c- dân gốc.

- *Chuyển đổi về cơ cấu tổ chức*: hầu hết các làng tr-ớc đây chỉ có một Chi bộ, một Ban quản lý (Tr-ởng thôn, Phó thôn), một Ban Mặt trận Tổ quốc và các chi hội đoàn thể; sau khi chuyển xã thành ph-ờng thì mỗi làng chia thành nhiều chi bộ, nhiều tổ dân phố (có tổ tr-ởng, tổ phó dân phố có chức năng, nhiệm vụ nh- Tr-ởng Phó thôn tr-ớc đây), nhiều Ban Mặt trận cùng các chi hội của các đoàn thể riêng, lãnh đạo, chỉ đạo các mặt hoạt động của từng tổ dân phố.

- *Chuyển đổi về lối sống* với các biểu hiện:

+ Lối sống cá nhân đ-ợc đề cao, nhất là trong thanh niên, từ nông dân “bồng chốc” trở thành thị dân nên dễ chối bỏ những giá trị truyền thống, lấy những giá trị của đô thị làm chuẩn, xu h-ớng thích ra ở riêng ngay từ khi mới lập gia đình đang trở thành phổ biến. Tổ chức gia đình nhanh chóng thay đổi từ bên ngoài đến nếp sinh hoạt bên trong (ngôi nhà cấp bốn gắn với sân, v-òn biến mất, thay thế bằng nhà hình ống khép kín). Quyền tự do cá nhân đ-ợc đề cao đồng nghĩa với mối liên hệ

cộng đồng (dòng họ, làng xã) từng b-ớc bị suy giảm.

+ Do nghề nghiệp, thu nhập, mối quan hệ với bên ngoài cộng đồng không đồng nhất nên quan hệ xã hội trong cộng đồng bị suy giảm. Một số nhanh chóng giàu lên (nhờ bán đất, hoặc nhanh chóng thích ứng với cơ chế thị tr-ờng...) nh-ng văn hóa thấp, không có một quá trình chuẩn bị cho lối sống đô thị và công nghiệp nên lai căng về lối sống, thích h-ớng thụ, chạy theo những tiêu chí sống xa lạ với truyền thống cha ông, coi đồng tiền là trên hết, quên đi trách nhiệm, nghĩa vụ với gia đình, làng xóm.

+ Bên cạnh sự không đồng nhất cùng những rạn nứt quan hệ trong cộng đồng c- dân gốc là “độ vênh”, thậm chí cả những mâu thuẫn, xung đột trong lối sống giữa c- dân sở tại và c- dân nơi khác đến nhập c-, là một dạng biểu hiện của quan hệ giữa chính c- và “ngụ c-” của làng xã thời phong kiến.

- *Chuyển đổi kết cấu hạ tầng và cấu trúc vật chất của làng*: từ cơ sở hạ tầng nông thôn sang cơ sở hạ tầng đô thị.

- *Thay đổi về ph-ơng thức quản lý*: từ quản lý xã hội nông thôn mang đậm phong cách “xuê xoa”, giải quyết các mặt hành chính và các vấn đề nảy sinh th-ờng nặng theo tình cảm, sang quản lý xã hội đô thị mang đậm tính hành chính, giải quyết theo lý và luật (Phan Ngọc Phi, 2001).

Tất cả những thay đổi trên đây có ảnh h-ớng lớn đến việc tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa:

+ Bảo vệ di sản văn hóa truyền thống (đình chùa, đền miếu...) gặp nhiều khó khăn, phức tạp do sự thay đổi về cơ cấu tổ chức của hệ thống chính trị và thành phần dân c-. Có nơi, khi ch-a lên ph-ờng, đình chùa đ-ợc

bảo vệ tốt, song sau khi lên ph- òng, lại xảy ra bất đồng giữa các cụm dân c- trong việc sử dụng, bảo vệ các công trình này.

+ Tổ chức các hoạt động văn hóa truyền thống gặp khó khăn (nhất là lễ hội): do cơ cấu quản lý truyền thống (thôn, làng) bị thay đổi (từ một làng gốc với một Chi bộ, một Ban quản lý cùng các hội đoàn thể; đến đây bị chia thành nhiều tổ dân phố với chi bộ, ban đại diện chính quyền, mặt trận và các tổ chức đoàn thể riêng). Kết cấu dân c-, địa bàn c- trú của cộng đồng c- dân bị xáo trộn dẫn đến khác nhau - nếu không muốn nói là xung đột về nhận thức, phong tục, văn hóa của mỗi cộng đồng, cả các yếu tố truyền thống và các yếu tố đ- ợng đại.

Ngoài ra, quá trình đô thị hóa còn có một loạt tác động khác đối với đời sống văn hóa, xã hội của các làng quê. Đó là, tệ nạn xã hội (nh- cờ bạc, mại dâm, nghiện hút...) nảy sinh từ những mặt trái của nền kinh tế thị tr- òng ở ngay làng xã và từ những mặt trái của đời sống đô thị. Mâu thuẫn, tranh chấp trong cộng đồng sẽ gia tăng, nhất là trong lĩnh vực đất đai - tài sản quý giá nhất của xã hội nông nghiệp lại càng có giá hơn nhiều lần trong xã hội công nghiệp và đô thị. Bên cạnh đó là tình trạng ô nhiễm môi tr- òng, gồm ô nhiễm nguồn n- ớc (n- ớc thải sản xuất và n- ớc thải sinh hoạt), ô nhiễm không khí, tiếng ồn do tác động của công nghiệp và dân c- gia tăng.

Những thay đổi trên đây đ- ợc biểu hiện khác nhau ở từng làng quê cụ thể, phụ thuộc vào các đặc điểm về lịch sử, kinh tế - xã hội và văn hóa truyền thống, vào nhận thức của cán bộ và ng- ời dân ở mỗi cộng đồng, vào sự thích ứng với tình hình mới của đội ngũ cán bộ. Thực tế của việc chuyển đổi các xã thành ph- òng trong 10 năm qua cho

thấy, một số nơi chịu tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa nhiều hơn là những mặt tích cực, đang đặt ra cho các nhà hoạch định chính sách rất nhiều vấn đề cần đ- ợc sớm quan tâm giải quyết, đặc biệt về ph- ơng diện văn hóa. Có nơi, các công trình văn hóa truyền thống bị những cán bộ có trách nhiệm vì lợi ích cục bộ và lợi ích tr- ớc mắt làm biến dạng.

Tr- ớc sự “tấn công” của quá trình đô thị hóa đối với văn hóa, các nhà nghiên cứu về làng xã và về quản lý đô thị đã coi trọng lý thuyết về “cộng đồng nhỏ”, coi việc bảo vệ các cộng đồng nhỏ này (đúng hơn là *bảo vệ các giá trị bền vững* của các cộng đồng đó) là khâu quan trọng của “cuộc chiến” chống lại những tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa.

Cộng đồng nhỏ (*Little community; Small community*) đ- ợc hiểu là những phân thể cơ bản của một tổ chức lớn hơn, là những bộ phận “vi mô”, song bao chứa khá đầy đủ và điển hình những yếu tố của cái toàn thể hay cái “vĩ mô”; mang tính thống nhất và ổn định cao nhờ hệ thống cơ cấu tổ chức khá hoàn chỉnh, vận hành theo những quy định đ- ợc hình thành từ xa x- a, song cũng mang tính thích ứng cao (Morgan, 1942; Redfiel, 1956). Giữ đ- ợc “hồn, cốt” của các cộng đồng nhỏ này là cơ sở để bảo tồn truyền thống; từ đó, phát huy đ- ợc thế mạnh của truyền thống trong quá trình hiện đại hóa hay “hiện đại hóa trên cơ sở giữ gìn và phát huy truyền thống”.

Đối chiếu ở Việt Nam thì khái niệm “cộng đồng nhỏ” chính là các *làng*. Làng ng- ời Việt, nh- các công trình nghiên cứu dân tộc học đã chỉ rõ, là mắt xích quan trọng trong trục quan hệ “Nhà - Làng - N- ớc” của một xã hội nông thôn, nông nghiệp Việt

Nam đ- ọc quân chủ hóa. Làng là thiết chế tự quản rất chặt chẽ, bằng hệ thống các tổ chức: xóm ngõ, dòng họ, phe giáp, ph- ờng hội (vì mục đích t- ơng trợ, giữ nghề nghiệp, vì mục đích tín ng- ỡng, *tinh thần...*), bộ máy quản lý (kỳ mục, chức dịch); bằng các quan hệ xã hội theo thân tộc (họ nội, họ ngoại và họ vợ, hay *họ cả làng*), theo giới tính (nam nữ), theo lớp tuổi (già trẻ), xóm giềng, nghề nghiệp và vị thế xã hội; dựa trên các quy định đ- ọc ghi trong h- ơng - ớc và các quan niệm về đạo đức, tín ng- ỡng, với sự giám sát rất chặt chẽ và hiệu quả của *d- luận cộng đồng*. Tất cả tạo ra *thế của cộng đồng làng xã đối với cá nhân và các thiết chế tổ chức, tạo ra sự ổn định xã hội*, cho dù đất n- ớc có sự thay đổi, biến thiên, nh- ng các giá trị của làng vẫn luôn tồn tại (Bùi Xuân Đính, 1998).

Từ những luận điểm trên đây, chúng tôi nhìn vấn đề giữ gìn và phát huy vốn văn hóa truyền thống trong bối cảnh đô thị hóa đang diễn ra rất sôi động, từ thực tế của làng Tĩnh Quang, ph- ờng Giang Biên, quận Long Biên.

2. Làng Tĩnh Quang, tên Nôm là *làng Vĩa* (nhà ngôn ngữ học quá cố Hoàng Văn Hành - ng- ời làng Vĩa giải nghĩa là “ở ven”) thuộc ph- ờng Giang Biên, quận Long Biên là một làng cổ. Theo các bậc cao niên trong làng, xa x- a, làng có tên là Th- ợng Xá, khởi đầu của một vệt làng có chữ “Xá” gắn với tên của các dòng họ trong vùng, là: Hội Xá (nay thuộc ph- ờng Phúc Lợi quận Long Biên), Đặng Xá (nay thuộc xã Đặng Xá), D- ơng Xá (xã D- ơng Quang), Hoàng Xá (xã Kiều Ky) đều thuộc huyện Gia Lâm, chứng tỏ các dòng họ đã c- tụ trên vùng đất này từ rất xa x- a.

Tĩnh Quang nằm ven sông Thiên Đức (sông Đuống). X- a kia, sông ở cách xa làng.

Năm 1856, nhà Nguyễn cho nắn dòng sông Thiên Đức từ xã Du Lâm (nay là xã Mai Lâm, huyện Đông Anh) về phía Nam. Sông chia làng Tĩnh Quang thành hai khối, dần dần tách thành hai làng: làng ở bờ Nam là *Vĩa Lớn* (tức làng Tĩnh Quang hiện nay), làng ở bờ Bắc là *Vĩa Con* (hay Cống thôn, nay là làng Cống Thôn thuộc xã Yên Viên). Mặc dầu vậy, hai làng vẫn là một khối thống nhất: chung đình, chung chùa, song làng Vĩa Con đ- ọc tổ chức hội tr- ớc (từ mồng 8 đến ngày 12 tháng Hai).

Làng Tĩnh Quang tr- ớc đây nằm trọn trong đồng. Con đê cũ tr- ớc đây chạy tr- ớc cửa đình làng. Đến năm 1918, đê sông Đuống bị vỡ, phải đắp lại đoạn đê từ Cầu Đuống hiện nay ra phía sau làng nên toàn bộ khu c- trú (cả đình) từ chỗ nằm trong đê, đến đây ở ngoài đê (khu vực bãi), chỉ riêng chùa còn nằm trong đồng (trong đê). Con đê cũ không còn tác dụng nên gọi là *đê Tàn*, dấu tích còn lại đến nay là một số gò đống.

Dân làng Tĩnh Quang x- a kia chỉ làm nông nghiệp, cấy một vụ lúa mùa và trồng một vụ ngô ở cả trong đồng và ngoài bãi. Vào thời Lê, làng còn trồng dâu nuôi tằm. Ngoài ra, làng còn muối d- a, làm t- ơng rất có tiếng mà sách *Phong thổ Hà Bắc thời Lê* đã ghi nhận (Khuyết danh, bản dịch, 1970).

Tĩnh Quang là một làng có dân số trung bình (năm 1928 làng có 1.010 nhân khẩu, theo thống kê trong sách *Tên làng xã và địa d- các tỉnh Bắc Kỳ* (Ngô Vi Liễu, 1999), nơi sinh sống lâu đời của hơn 30 dòng họ, trong đó, họ Nguyễn Đức và họ Đào là đông nhất. Cơ cấu tổ chức truyền thống của làng là một thiết chế rất chặt. Ngoài bốn xóm (Lan Đình, Hoa Ngạc, Đông Trù, Đông Mai), làng

còn có 6 giáp (Đông, Nam, Đoài, Tây, Xuân Lý và Văn Khê) - một thiết chế để quản lý nhân đinh, phân cấp và quản lý ruộng đất công, phân bổ các đóng góp xây dựng công trình công cộng, đóng góp cho các hoạt động tín ng-ỡng chung của làng (tập trung vào kỳ hội) và tổ chức tang lễ cho ng-ời quá cố. Thông qua giáp, trai đinh lần l-ợt thực hiện các nghĩa vụ của cộng đồng giao cho, dựa trên các quy định của h-ong -ớc (nay đã bị mất). Theo lệ làng Tỉnh Quang, trong đời ng-ời, mỗi trai đinh của làng ngoài các việc phu phen, tạp dịch, tuần phòng<sup>1</sup>, đóng góp xôi gà cho các tiết lệ (theo cách “xôi lân, gà l-ợt”), đảm nhận các vai trong đám r-ớc thân dịp hội, còn phải thực hiện các nghĩa vụ lớn sau đây:

- Một lần *nuôi ông y* (lợn thờ, 50 cân) để làng lễ thân vào dịp hội làng (từ 18 đến 26 tháng Hai)<sup>2</sup>.

- *Đảm nhận ngôi chạ làng* để lo các công việc của các tiết lệ trong năm. Mỗi năm có 36 ng-ời chạ, cắt từ d-ới tuổi lên lão (50) trở xuống. Nhiệm kỳ của chạ là một năm. Trong 36 ông chạ này, có 6 ng-ời đủ tiêu

<sup>1</sup> Đ-ong nhiên, làng vẫn có quy định miễn các việc này cho những ng-ời bỏ tiền để mua ngôi thứ, nh- ngôi Xã, ngôi H-ong (đ-ợc miễn phu dịch, đ-ợc dự tế, chia phần biếu... và nhất là đ-ợc một cái danh tr-ớc cộng đồng làng).

<sup>2</sup> Mỗi năm có 6 ng-ời chạ phải nuôi ông y. Đến ngày 18 tháng Hai, có 3 ng-ời phải r-ớc ông y lên đình để tế nhập tịch, ngày 25, đến l-ợt ba ng-ời còn lại. Quy định chung mỗi ông y phải cân nặng 50 kg, song trên thực tế, ng-ời đến l-ợt làm nghĩa vụ th-ờng làm v-ợt tiêu chuẩn trên (số cân thừa đ-ợc làng trả lại bằng tiền theo thời giá), vì nuôi đ-ợc ông y nặng hơn so với của những ng-ời nuôi tr-ớc là một niềm vinh hạnh và may mắn, vì sẽ đ-ợc thân thánh phù hộ và ng-ời nuôi đ-ợc ông y to nhất ở từng thời điểm sẽ đ-ợc cày một sào ruộng công, cho đến khi có ng-ời nuôi đ-ợc ông y to hơn.

chuẩn đ-ợc làm *ông đám*<sup>3</sup>: phải thổi xôi thờ trị giá khoảng 40 kg gạo (mỗi ông đám đ-ợc cày một sào ruộng công).

Sau khi đảm nhiệm xong làm chạ, ng-ời trai đinh coi nh- đã hoàn thành nghĩa vụ với làng, đến tuổi 50 làm lễ lên lão (khao lão), chính thức gia nhập hàng các cụ và nếu sống đến 60 tuổi, đ-ợc làng cấp cho 3 sào đất bãi, đ-ợc sử dụng đến khi qua đời.

Những t- liệu trên đây cho thấy, làng Tỉnh Quang sớm hình thành đ-ợc một thiết chế tự quản khá chặt chẽ, gắn kết trách nhiệm, quyền lợi, cả tâm t-, tình cảm, của mỗi cá nhân với cộng đồng làng. Chính vì thế, cách đây vài trăm năm, dù chỉ với cơ sở kinh tế thuần nông nghiệp, dân làng đã dựng đ-ợc ngôi đình khá bề thế (đ-ợc dựng vào năm đầu niên hiệu Vĩnh Trị đời Vua Lê Hy Tông, Bính Thìn, 1676) và ngôi chùa Phổ Quang. Đây là hai công trình gắn kết ng-ời Tỉnh Quang về mặt tâm linh, ý thức, tình cảm thành một khối thống nhất. Chính vì thế, qua những biến thiên của lịch sử, khối thống nhất này luôn đ-ợc duy trì, củng cố, thể hiện rõ nhất ở hai điểm sau:

*Một là*, vào năm 1856, khi dòng sông Đuống đ-ợc nắn đã chia đôi làng Vĩa - Tỉnh Quang thành hai khối, sau phát triển thành hai làng, nh- ng vẫn chung đình chung chùa, chỉ có khác không tổ chức chung lễ hội, song làng Cống Thôn đ-ợc tổ chức hội tr-ớc. Chỉ có thể thấy đ-ợc giá trị của tính thống nhất

<sup>3</sup> Tiêu chuẩn của ông đám là: tứ thân phụ mẫu còn sống, vợ chồng song toàn, vợ phải là ng-ời làng, có đủ con trai con gái, không có dị tật và không vi phạm các quy định của làng. Năm nào không có đủ 6 ng-ời có đủ 6 tiêu chuẩn trên thì sẽ ch-ớc các tiêu chuẩn. Ng-ời đ-ợc gọi là *đám nhất*, *đám nhì*, *đám ba*... là căn cứ vào có đủ hay thiếu 6 tiêu chuẩn trên. Ng-ời đ-ợc tôn làm *đám nhất* là một vinh hạnh lớn.

của làng Vĩa khi đặt điều này trong bối cảnh làng xã ng-ời Việt vào giai đoạn từ giữa thế kỷ XIX - khi mà hiện tượng "tách làng, chạy biệt xã" diễn ra khá phổ biến ở nhiều nơi. Vì mâu thuẫn và những quyền lợi cục bộ, có nhóm dân chỉ vài chục suất đình cũng tìm mọi cách để tách khỏi làng gốc để trở thành làng riêng, thậm chí thành xã độc lập (Bùi Xuân Đính, 2003).

Hai là, ng-ời Tỉnh Quang luôn dễ hòa nhập, dung nạp với các cộng đồng khác. Điển hình của truyền thống này là việc một bộ phận lớn ng-ời làng có gốc gác từ các làng Đình Bảng, Phù L- u (nay thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) do x- a kia, ng-ời các làng này bán việc buôn bán, th- ờng đem gửi con cho ng-ời làng Tỉnh Quang nuôi giúp, nhiều ng-ời sau đó ở lại nhà bố mẹ nuôi, trở thành ng-ời làng Tỉnh Quang. Đặt điều này trong bối cảnh sự phân biệt chính c- - ngụ c- của làng Việt x- a kia rất nặng nề mới thấy đ- ợc giá trị của truyền thống này.

3. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, cơ cấu tổ chức của làng Tỉnh Quang thay đổi để thích ứng với tình hình chính trị - kinh tế - xã hội của đất n- ớc ở từng thời đoạn. Song truyền thống tự quản, cố kết thống nhất trên đây vẫn đ- ợc duy trì, là cơ sở, là "nội lực" rất quan trọng để làng Tỉnh Quang đã không bị lúng túng và thụ động chịu những tác động khi phải chuyển đổi cơ chế quản lý, đặc biệt là từ khi xã Giang Biên đ- ợc chuyển thành một ph- ờng của quận Long Biên (từ tháng 11 - 2003). Mặc dù làng Tỉnh Quang đã chia thành bốn cụm tổ dân phố với chi bộ Đảng, đại diện hành chính, Ban Mặt trận các đoàn thể thành viên, song các hoạt động liên quan văn hóa và phong tục

truyền thống (tập trung vào việc bảo vệ, tu bổ di tích<sup>1</sup>, tổ chức hội<sup>2</sup> và tổ chức tang lễ<sup>3</sup>) vẫn đ- ợc duy trì tốt; không xảy ra những bất đồng giữa các cụm dân c- . Truyền thống hòa đồng hòa thuận trong cộng đồng và với ng-ời ngoài cộng đồng vẫn đ- ợc duy trì, còn thể hiện ở hai điểm:

- Dân làng Cống Thôn hiện là một bộ phận của xã Yên Viên bên kia sông Đuống hàng năm vẫn tiến hành công việc thờ thần tại đình, thờ Phật tại chùa tọa lạc trên đất làng Tỉnh Quang (không tổ chức dựng đình, chùa riêng) mà vẫn tham gia tu bổ đình chùa ở làng gốc, có đại diện tham gia ban tổ chức hội hàng năm cùng làng gốc.

- Hiện tại làng Tỉnh Quang có khoảng trên 100 hộ là ng-ời từ nơi khác về nhập c- (mua đất làm nhà tại làng), nh- ng không có biểu hiện bất đồng trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến di sản văn hóa cũng nh- phong tục của làng nh- ở nhiều làng quê ven đô đã chuyển thành ph- ờng.

Những mặt tích cực trên đây không phải làng quê nào ở các xã đ- ợc chuyển thành ph- ờng trong hơn chục năm nay cũng có đ- ợc. Đây có lẽ là điểm cần đ- ợc nghiên cứu

<sup>1</sup> Làng vẫn duy trì *Tiểu ban Quản lý di tích* cũ, song có sự điều chỉnh thành phần, gồm Tổ tr- ờng dân phố, Tr- ờng ban Mặt trận của 4 tổ dân phố, ngoài Ban th- ờng trực tiếp giải quyết các công việc th- ờng nhật.

<sup>2</sup> Hàng năm, để chuẩn bị hội, Tiểu ban Quản lý di tích họp để quán triệt nội dung của kỳ hội, sau đó trình hội nghị quân dân chính đảng của cả làng, lên kế hoạch tổ chức hội trình Đảng ủy và UBND xã. Sau khi đ- ợc phê duyệt, họp các dòng họ, các hội đồng niên của làng để thống nhất ch- ơng trình hội, sau đó, thông báo rộng rãi cho dân làng và ng-ời làng đang làm ăn xa quê về dự hội.

<sup>3</sup> Làng vẫn duy trì *Ban Trung hiếu* trên cơ sở sắp xếp lại Ban tang lễ cũ với 25 thành viên (mỗi tổ dân phố 5 ng-ời, là đại diện các đoàn thể), có quy định rất chặt về tổ chức tang lễ cho từng đối tượng quá cố, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban.

rút kinh nghiệm cho các làng quê khác, nhất là các làng của các xã đang chuẩn bị đi- ợc nâng thành đơn vị ph- ờng.

Đối với làng Tình Quang, việc phát huy tốt các nội lực truyền thống trong gần 4 năm đi- ợc trở thành điểmc- dân đô thị cũng cần đi- ợc rút kinh nghiệm trong b- ớc đi- ờng tiếp theo, khi quá trình đô thị hóa sẽ diễn ra với nhịp độ gấp gáp, sôi động và quyết liệt hơn, vì khu đô thị mới Việt H- ng đã mở rộng đến sát làng, làn sóng ng- ời các nơi về làng mua đất để sinh sống ngày càng gia tăng, thành phần dân c- sẽ đa tạp hơn, tránh những tác động tiêu cực đến lối sống và vốn văn hóa truyền thống của dân làng, đến việc bảo vệ di sản văn hóa truyền thống, điển hình là việc tu tạo chùa Phổ Quang vừa qua<sup>1</sup>.

Thực tế của việc bảo vệ các di sản văn hóa trong bối cảnh các làng ven đô đi- ợc chuyển thành ph- ờng, qua tr- ờng hợp làng Tình Quang cho thấy hai điều cơ bản sau:

- *Một là*, việc duy trì các mặt hợp lý, tích cực, còn phù hợp của truyền thống có vai trò lớn đến việc ổn định và phát triển của cộng đồng tr- ớc những tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa;

- *Hai là*, để làm đi- ợc việc đó, tr- ớc hết cần tạo lập và duy trì sự đồng thuận trong dân làng mà điều này chỉ có thể có đi- ợc khi cấp ủy, chính quyền địa ph- ơng (ph- ờng) và cơ sở (làng cũ) quan tâm chỉ đạo sâu sát;

- *Ba là*, cần tăng c- ờng quản lý Nhà n- ớc và hỗ trợ tích cực kinh phí của Nhà

n- ớc, không thể để các cộng đồng dân c- tự đóng góp, tự tổ chức các hoạt động văn hóa và tu bổ các di tích lịch sử văn hóa.

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Ân (2002), *Việt Nam, những thay đổi địa danh và địa giới hành chính*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.

2. *Công báo số 181* (2003).

3. Bùi Xuân Đính (1998), *H- ơng - ớc và quản lý làng xã*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

4. Khuyết danh (1938), *Thân tích thân sắc làng Tình Quang* (bản viết tay), l- u tại Th- viện Thông tin Khoa học Xã hội.

5. Khuyết danh (1971), *Phong thổ Hà Bắc thời Lê* (bản dịch), Ty Văn hóa Hà Bắc, tr. 40.

6. Ngô Vi Liễu (1999), *Tên làng xã và địa d- các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 475.

7. Morgan, Arthur (1942), *The Small Community*, USA, New York.

8. Phan Ngọc Phi và cộng sự (2001), Báo cáo tổng hợp đề tài “*Nghiên cứu, điều tra quá trình đô thị hóa từ làng - xã thành ph- ờng của Hà Nội, những tồn tại và các giải pháp khắc phục*”, bản đánh máy, l- u tại Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch Hà Nội, tr. 77 - 85.

9. Redfiel, Robert (1956), *The Little Community - Viewpoints for the Study of Human Whole*, USA, The University of Chicago Press, p. 4 - 5.

<sup>1</sup> Chùa Phổ Quang vừa qua đi- ợc một số cá nhân tài trợ kinh phí tu bổ, song việc làm thủ tục xin sửa chữa không tuân thủ đúng trình tự và nguyên tắc nên hiện nay cảnh quan chùa đã ít nhiều bị biến dạng (Tam quan chùa bị đẩy lùi vào sâu trong khuôn viên chùa, không phải ở tr- ớc cửa chùa và lại cao, to hơn nhiều lần so với Phật điện và các công trình khác của chùa).